

Bản án số: **46/2018/HS-ST**
Ngày 16-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vàng A Lù
2. Ông Hà Quang Hành

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa: Ông Hà Lập Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Văn Chấn xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2018/TLST- HS ngày 28 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

ĐỒNG VĂN T, sinh ngày 17/4/1993 tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn S và bà Ngân Thị B; có vợ là Hoàng Thị V và có 01 con sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/5/2018. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Yên Bái. “ Có mặt”.

- Người làm chứng:

+ Hoàng Thị V, sinh năm 1994; trú tại: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. “ Có mặt”.

+ Hoàng Thị L, sinh năm 1967; trú tại: trú tại: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. “ vắng mặt”.

+ Lò Thị B, sinh năm 1985; trú tại: Thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. “ vắng mặt”.

+ Phùng Thị H, sinh năm 1989; trú tại: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. “vắng mặt”.

- + Đông Văn K, sinh năm 1986; trú tại: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.
- + Trần Thị N, sinh năm 1965; trú tại: Thôn K, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.
- + Trần Văn H, sinh năm 1997; trú tại: Thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.
- + Lục Văn D, sinh năm 1997; trú tại: Thôn K, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.
- + Đông Văn Đ, sinh năm 1988; trú tại: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.
- + Đàm Văn L, sinh năm 1984; trú tại: Thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.
- + Hoàng Thị K, sinh năm 1982; trú tại: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.
- + Đông Văn T, sinh năm 1991; trú tại: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. “
vắng mặt”.
- + Hà Thị M, sinh năm 1983; trú tại: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.
- + Hà Thị X, sinh năm 1962; trú tại: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.
- + Lò Văn T, sinh năm 1995; trú tại: Thôn M, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.
- + Chu Thị M, sinh năm 1994; trú tại: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.
- + Lò Thị S, sinh năm 1975; trú tại: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.
- + Trần Văn L, sinh năm 1973; trú tại: Thôn 1, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.
- + Hà Minh G, sinh năm 1982; trú tại: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.
- + Bùi Văn S, sinh năm 1961 ; trú tại: Thôn K, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.
- + Lâu Văn H, sinh năm 1983; trú tại: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.
- + Đông Văn P, sinh năm 1978; trú tại: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.

+ Lò Văn Đ, sinh năm 1992; trú tại: Thôn A, xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.

+ Hà Văn H, sinh năm 1971; trú tại: Thôn D, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.

+ Hà Thị T, sinh năm 1992; trú tại: Thôn H, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.

+ Lò Văn T, sinh năm 1993; trú tại: Thôn M, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.

+ Hoàng Thị N, sinh năm 1984 ; trú tại: xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. “vắng
mặt”.

+ Lục Văn P, sinh năm 1979; trú tại: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.

+ Trần Thị N, sinh năm 1965 ; trú tại: Thôn K, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.

+ Chu Văn H, sinh năm 1979; trú tại: Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.

+Hoàng Thị C, sinh năm 1982; trú tại Thôn N, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.

+ Lục Văn H, sinh năm 1971; trú tại: Thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái.
“vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có thời gian đi làm thuê tại huyện T, tỉnh Cao Bằng nên Đồng Văn T có quen biết với một người đàn ông tên là S mang quốc tịch Trung Quốc. S nói với T cần tìm người sang Trung Quốc chặt mía thuê cho S, nếu tìm được người đưa sang Trung Quốc, sẽ không để cho Tân chịu thiệt.

Khoảng tháng 01/2018 do ở nhà không có việc T gọi điện cho S hỏi có cần tìm người đi Trung Quốc làm nữa không. Sung bảo vẫn cần và sẽ trả công mỗi bó mía khoảng 15 kg sẽ được trả 01 nhân dân tệ tương đương với 3.500 Việt Nam đồng. Với mục đích tìm người đưa sang Trung Quốc, T đã đến nhà Chu Văn H, Lường Văn L, Điền Văn L và Hoàng Văn H đều trú tại xã G, những người này đồng ý T bảo mọi người chuẩn bị quần áo và 500.000 đồng là tiền xe, đi ăn đường.

Ngày 20/02/2018 tại nhà bố đẻ của T tại thôn N, xã G. T trực tiếp rủ anh em, họ hàng thân thích của T đi Trung Quốc làm thuê gồm: Đồng Văn P, Đồng Văn K, Phùng Thị H, Đồng Văn M, Đồng Văn T, Đồng Văn Đ, Chu Thị M và Hoàng Thị V. Tiếp đến T đến chúc tết nhà mẹ vợ là bà Lò Thị S ở xã T, huyện V rủ bà S đi Trung

Quốc làm thuê, đồng thời trong thôn có đám cưới T rủ thêm Lò Văn T và Lò Văn T1 đi Trung Quốc làm thuê.

Do biết tin Tân nói chuyện với một số người đi Trung Quốc làm thuê nên Trần Văn H, Hoàng Thị C, Lường Văn P và Hoàng Thị K đến nhà hỏi T việc đi Trung Quốc, tiếp đó T rủ thêm Lầu Văn H.

Ngoài số người bị cáo trực tiếp gặp mặt thì chú của T là Đồng Văn K báo là có 08 người đi cùng là: Hoàng Văn L, Tạ Văn P, Lục Văn C, Lò Văn N, Nông Văn M, Lò Thị B, Đàm Văn L và Hoàng Thị N; Trần Văn H báo với T là có 05 người đi cùng là Trần Văn L, Bùi Văn S, Trần Thị N, Lục Văn D, Lục Văn H. Ngoài ra còn có Hà Thị M, Hà Minh G và Chu Văn H. Còn một số người khác biết tin mọi người nói về việc đi Trung Quốc nên gọi điện cho T, được T đồng ý gồm: Hoàng Văn Y, Hoàng Văn T, Hoàng Văn H, Lường Văn V, Lường Văn S và Đồng Văn L.

Sau khi tụ tập, rủ rê và có một số người khác tự đi theo T sang Trung Quốc, sáng ngày 24/02/2018. T gọi điện cho S thông báo sẽ đưa người sang Trung Quốc. S đồng ý, Tân đã hợp đồng thuê xe với nhà xe T để chở mọi người đến huyện T, tỉnh Cao Bằng. Khoảng 24 giờ cùng ngày, xe đến điểm hẹn tại xã G, huyện V đón người đi Trung Quốc. Tổng cộng là 53 người. Trong số này có khoảng 10 người lúc lên xe T mới biết là Hoàng Thị L, Trần Thị N, Hà Thị X, Lục Văn P, Hà Văn H, Lường Văn T, Lường Văn H, Chu Thị T, Lò Văn Đ và Hà Thị T. T thu tiền của 48 người, mỗi người 500.000 đồng và T ứng trước cho 4 người là Đồng Văn P, Đồng Văn T, Hà Thị M và Hà Văn G. Đến 18 giờ ngày 25/02/2018 T dẫn mọi người đến ngôi nhà hoang sát biên giới để ngủ qua đêm.

Ngày 26/02/2018 do lực lượng Bộ đội biên phòng tuần tra gắt gao nên 17 người trong đoàn đã gọi xe quay về xã G gồm: Hoàng Văn H, Điền Văn L, Hoàng Minh T, Hoàng Văn Y, Đồng Văn L, Hoàng Văn H, Lường Văn H1, Lường Văn S, Lường Văn L, Hoàng Văn L1, Chu Văn H, Lò Văn N, Tạ Văn P, Lục Văn C, Nông Văn M, Đồng Văn M và Lường Văn P. Còn lại 35 người ở lại cùng T sang Trung Quốc. Trong đó có 06 người do T rủ rê, 11 người là họ hàng thân thích của T, số còn lại do biết tin T đưa người đi Trung Quốc nên nên đã đi theo. Đêm ngày 02/02/2018 S đón mọi người bằng đò vượt sông sang Trung Quốc, đến trang trại mía của S. Tại đây sau hơn hai tháng làm việc, thì hết vụ mía S trả trước cho mỗi người 2.000.000 đồng, số tiền còn lại S hẹn bán mía xong sẽ trả nốt và giao cho một người đàn ông Trung Quốc dẫn mọi người vượt biên quay trở về Việt Nam. Sau đó T liên hệ xe khách đưa mọi người về G. Theo hẹn đến ngày 10/5/2018 T và Đồng Văn K lên Cao Bằng gặp S lấy nốt số tiền 334.000.000 đồng tiền công của mọi người. Ngoài ra, S còn đưa thêm cho T 5.000.000 đồng là tiền công Tân đưa người sang Trung Quốc làm thuê. Về nhà, T đưa cho Đồng Văn K số tiền 118.000.000 đồng, đưa cho Trần Văn H số tiền 99.800.000 đồng để trả cho mọi người trong tổ. Còn lại tổ của T 116.000.000 đồng, số tiền này T đã thanh toán hết cho mọi người.

Tại cơ quan điều tra Đồng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKS-P1 ngày 24/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo Đồng Văn T về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 349 của Bộ luật Hình sự 2015.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là “ ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 và đề nghị mức xử phạt như sau: Tuyên bố bị cáo Đồng Văn T phạm tội “ Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đề nghị xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, những người làm chứng vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ, bị cáo T nhất trí với các lời khai đó và không có ý kiến gì thêm.

- Tại phiên tòa bị cáo Đồng Văn T không bào chữa gì, mà đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Thể hiện, trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 02/2018 tại khu vực xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. Đồng Văn T đã có hành vi rủ rê, lôi kéo và chuẩn bị phương tiện để tổ chức cho 35 người trốn sang Trung Quốc để lao động làm thuê. Trong đó có 11 người là họ hàng ruột thịt thân thích với bị cáo, còn 24 người khác không có quan hệ gì. Hành vi nêu trên của Đồng Văn T đã phạm vào tội “ Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 349 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải bị cáo đã tác động để gia đình nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng (Biên lai thu tiền số AA/2010/04182 ngày 21/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, do chị Hoàng Thị V là vợ của bị cáo T nộp thay) là khoản tiền bị cáo được S trả công khi đã

đưa người sang làm thuê cho S tại Trung Quốc. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Sau khi xem xét đầy đủ các điều kiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đồng Văn T được áp dụng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết áp dụng quy định tại Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, cho bị cáo T được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để giúp cho bị cáo sớm có cơ hội trở về với cộng đồng, đồng thời thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa đối với người phạm tội.

Xét về nhân thân bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự quá trình làm ăn sinh sống tại địa phương luôn chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của công dân tại nơi cư trú. Bản thân bị cáo vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn muốn kiếm tiền để trang trải cho cuộc sống gia đình và những người họ hàng thân thích, cũng như những người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đã nhất thời phạm tội; một số người dân đi theo bị cáo sang Trung Quốc làm thuê đã có đơn đề nghị mong Tòa án xem xét khi lượng hình đối với bị cáo. Tuy nhiên, để đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa và trấn áp tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết phải xử lý bị cáo một cách nghiêm minh, với mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại Trại giam để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện.

Xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn đề nghị đối với bị cáo phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, khả năng nhận thức về pháp luật, nhân thân và điều kiện để cải tạo giáo dục đối với bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Tại biên bản xác minh lập ngày 29/6/2018 (bút lục số 184) thể hiện gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Cơ quan điều tra công an huyện Văn Chấn đã thu giữ 01 quyển sổ, bên trong các trang tài liệu có nội dung chằm công, tiền ăn, sinh hoạt trong thời gian Đồng Văn T làm thuê bên Trung Quốc, hiện được đưa vào tài liệu hồ sơ vụ án là phù hợp.

- Đối với số tiền 5.000.000 đồng là tiền công đưa người sang Trung Quốc làm thuê. Đây là tiền thu lợi bất chính cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Số tiền này đã được gia đình bị cáo tự nguyện nộp lại thay cho bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong vụ án này còn có:

Hoàng Thị V là vợ của bị cáo, tháng 01/2018 có Lò Văn T tìm đến nhà T hỏi đi cùng sang làm thuê bên Trung Quốc, nhưng T không có nhà. V có gọi điện hỏi T có cần người đi làm bên Trung Quốc nữa không? T bảo có nên V đã bảo T chuẩn bị quần áo và tiền đi đường; V không biết việc trao đổi giữa T và S về việc tổ chức đưa người trôn sang Trung Quốc làm thuê cho S và việc S trả tiền công 5.000.000 đồng cho T, nên không cơ quan điều tra không đề cập xử lý V đồng phạm với T là phù hợp.

Đối với Đồng Văn K là chú ruột của T và Trần Văn H được T trực tiếp rủ đi Trung Quốc và sau này K cùng với T lên Cao Bằng gặp S để nhận tiền công cho mọi người. Bản thân K cũng rủ thêm vợ và 08 người anh em họ hàng đi làm thuê và Trần Văn H rủ thêm 05 người họ hàng nhà H sang Trung Quốc làm thuê, nhưng cả K và H đều không được T trả tiền công khi rủ thêm người đi Trung Quốc. Những người mà K và H rủ đi làm thuê bên Trung Quốc đều là anh em họ hàng, không có việc làm, cuộc sống khó khăn nên rủ nhau đi làm thuê kiếm tiền. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý K và H đồng phạm với bị cáo là phù hợp.

Đối với người đàn ông tên S là chủ mưu trong vụ án này nhưng S là người nước ngoài và mọi hoạt động diễn ra trên lãnh thổ Trung Quốc nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Yên Bái không đủ điều kiện điều tra, thu thập chứng cứ để xử lý S trong vụ án này.

Đối với người lái đò tại huyện T, tỉnh Cao Bằng và người đàn ông đưa mọi người từ Trung Quốc về Việt Nam. Quá trình điều tra xác định đây là những người do S bố trí và thuê để chở mọi người qua sông sang Trung Quốc và ngược lại. Do T không biết tên, địa chỉ của những người này nên không có cơ sở để điều tra xử lý.

Đối với 35 người đã xuất cảnh sang Trung Quốc, quá trình điều tra đã xác định được tên, tuổi, địa chỉ của 32 người nhưng đều chưa xử lý vi phạm hành chính theo lỗi xuất cảnh trái phép gồm có: Hoàng Thị V, Hoàng Thị L, Lò Thị B, Phùng Thị H, Đồng Văn K, Trần Thị N, Trần Văn H, Lục Văn D, Đồng Văn Đ, Đàm Văn L, Hoàng Thị K, Đồng Văn T, Hà Thị M, Hà Thị X, Lò Văn T, Chu Thị M, Trần Văn L, Hà Minh G, Bùi Văn S, Lâu Văn H, Đồng Văn P, Lò Văn Đ, Hà Văn H, Hà Thị T, Lò Văn T, Hoàng Thị N, Lục Văn P, Trần Thị N, Chu Văn H, Hoàng Thị C, Lục Văn H đều trú tại xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái và Lò Thị S trú tại xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái, Ngoài ra còn 03 trường hợp là Lương Văn T, Lương Văn H và Chu Thị T đều không xác định được nơi cư trú. Cơ quan An ninh điều tra công an tỉnh Yên Bái đã chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu chứng minh các đối tượng đã có hành vi xuất cảnh trái phép trong vụ án đến Phòng Bảo vệ chính trị công an tỉnh Yên Bái để xem xét, xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Đồng Văn T phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

[2] Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Đồng Văn T **05 (năm)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo 16/5/2018.

[3] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu số tiền 5.000.000 (*năm triệu đồng*) của Bị cáo để nộp ngân sách nhà nước, xác nhận chị Hoàng Thị V là vợ của bị cáo đã nộp số

tiền trên theo biên lai số AA/2010/004182 ngày 21/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Yên Bái.

[4] Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Đồng Văn T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn*) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- THA hình sự;
- CCTHA dân sự huyện V;
- CA tỉnh Yên Bái;
- CA huyện V ;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam CA tỉnh Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND xã G (thông báo);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Phú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- THA hình sự;
- CCTHA dân sự;
- CA huyện Văn Chấn ;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam CA tỉnh YB;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND xã Gia Hội (thông báo);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Phú

